

ĐỀ THI TỰ LUẬN

Môn thi: string

Thời gian làm bài: string

(Thí sinh không được phép sử dụng tài liệu)

PHÂN BỐ CẤP ĐỘ BLOOM:

- Đoạn văn 1: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 2: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 3: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 4: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 5: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 6: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 7: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 8: Cấp độ 1 - Nhớ

CÂU HỎI VÀ CÂU TRẢ LỜI:

Cấp độ 1 - Nhớ

Câu 1: Định nghĩa tâm lý học là gì? (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học là khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý của con người.

Trích từ đoạn (trang 1): “Khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lí của con người gọi là tâm lí học.”

Câu 2: Nêu rõ đối tượng nghiên cứu của tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học là các hiện tượng tâm lý với tư cách là một hiện tượng tinh thần do thế giới khách quan tác động vào não con người sinh ra, gọi chung là các hoạt động tâm lý. Tâm lý học nghiên cứu sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 1): “Đối tượng của tâm lý học là các hiện tượng tâm lý với tư cách là một hiện tượng tinh thần do thế giới khách quan tác động vào não con người sinh ra, gọi

chung là các hoạt động tâm lý. Tâm lý học nghiên cứu sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý.”

Câu 3: Kể tên một số nhiệm vụ của tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Một số nhiệm vụ của tâm lý học bao gồm: nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng, phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý, và tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 1): “Nhiệm vụ của tâm lý học: + Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng. + Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy. + Tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.”

Câu 4: Liệt kê các mối quan hệ của tâm lý học với các ngành khoa học khác. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học có các mối quan hệ chặt chẽ với các ngành khoa học khác như sau:

- Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với Triết học.
- Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với các ngành khoa học tự nhiên.
- Tâm lý học có gắn bó hữu cơ với các khoa học xã hội và nhân văn.

Trích từ đoạn (trang 1): “- Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với Triết học. - Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với các ngành khoa học tự nhiên. - Tâm lý học có gắn bó hữu cơ với các khoa học xã hội và nhân văn.”

Câu 5: Tóm tắt ý nghĩa của tâm lý học trong đời sống. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học có ý nghĩa quan trọng trong đời sống, bao gồm việc góp phần đấu tranh chống lại các quan điểm phản khoa học về tâm lý con người, phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp giáo dục, giải thích một cách khoa học các hiện tượng tâm lý của con người, và có ý nghĩa thực tiễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống.

Trích từ đoạn (trang 1): “- Góp phần đấu tranh chống lại các quan điểm phản khoa học về tâm lý con người. - Phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp giáo dục. - Giải thích một cách khoa học các hiện tượng tâm lý của con người. - Có ý nghĩa thực tiễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống.”

Câu 6: Đọc lại khái niệm về sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người là quá trình mà tâm lý người phản ánh hiện thực khách quan thông qua "lăng kính chủ quan". Điều này có nghĩa là tâm lý người tạo ra "hình ảnh tâm lý" về thế giới, và hình ảnh này khác về chất so với các hình ảnh cơ lí hoá sinh vật.

Trích từ đoạn (trang 2): “tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lý người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử.”

Câu 7: Nêu rõ bản chất xã hội và lịch sử của tâm lý người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Bản chất xã hội và lịch sử của tâm lý người được thể hiện qua việc tâm lý người mang "bản chất xã hội và có tính lịch sử". Điều này cho thấy tâm lý không chỉ là sự phản ánh đơn thuần mà còn chịu ảnh hưởng từ các yếu tố xã hội và lịch sử trong quá trình hình thành và phát triển.

Trích từ đoạn (trang 2): “tâm lý người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử.”

Câu 8: Kể tên các loại phản ánh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Câu 8: Các loại phản ánh tâm lý được đề cập trong đoạn văn bao gồm phản ánh cơ, lí, hoá, sinh vật và phản ánh xã hội, trong đó có phản ánh tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyển hoá lẫn nhau: từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh XH, trong đó có phản ánh tâm lý.”

Câu 9: Mô tả quá trình phản ánh tâm lý diễn ra như thế nào. (0.10 điểm)

Trả lời:

Quá trình phản ánh tâm lý diễn ra thông qua sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh và não bộ con người, tạo ra "hình ảnh tâm lý" về thế giới. Hình ảnh tâm lý này là kết quả của quá trình phản ánh thế giới khách quan vào não bộ, và nó mang tính sinh động, sáng tạo và chủ thể, phụ thuộc vào lăng kính chủ quan của mỗi người.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh tâm lý là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của

hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Phản ánh tâm lý tạo ra “hình ảnh tâm lý” (bản sao chép) về thế giới.”

Câu 10: Nhắc lại ví dụ về phản ánh cơ học trong đoạn văn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Ví dụ về phản ánh cơ học trong đoạn văn là: "nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ..."

Trích từ đoạn (trang 2): “VD: nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ...”

Câu 11: Định nghĩa tính chủ thể trong phản ánh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tính chủ thể trong phản ánh tâm lý được định nghĩa là con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình, thể hiện ở việc các chủ thể khác nhau sẽ cho ra những hình ảnh tâm lý khác nhau dù cùng nhận sự tác động từ một hiện thực khách quan.

Trích từ đoạn (trang 2): “Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình. Tính chủ thể này thể hiện ở chỗ: Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 12: Nêu rõ cách mà các chủ thể khác nhau phản ánh cùng một hiện thực. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các chủ thể khác nhau phản ánh cùng một hiện thực thông qua việc nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực khách quan, nhưng lại cho ra những hình ảnh tâm lý với những mức độ và sắc thái khác nhau. Ngoài ra, cùng một hiện thực khách quan tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm và hoàn cảnh khác nhau sẽ dẫn đến những mức độ biểu hiện và các sắc thái tâm lý khác nhau ở chủ thể đó.

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 13: Kể lại cách mà trạng thái cơ thể ảnh hưởng đến phản ánh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Trạng thái cơ thể ảnh hưởng đến phản ánh tâm lý bằng cách mà cùng một hiện thực khách quan tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho thấy mức độ biểu hiện và các sắc thái tâm lý khác nhau ở chủ thể ấy.

Trích từ đoạn (trang 2): “Cũng có khi cùng một hiện thực KQ tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho ta thấy mức độ biểu hiện và các sắc thái TL khác nhau ở chủ thể ấy.”

Câu 14: Tóm tắt nguồn gốc của tâm lý người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Nguồn gốc của tâm lý người là từ thế giới khách quan, trong đó yếu tố xã hội đóng vai trò quyết định. Tâm lý người được hình thành từ các mối quan hệ xã hội và là sản phẩm của hoạt động giao tiếp. Nó cũng chịu sự ảnh hưởng của lịch sử cá nhân và cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 15: Liệt kê các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý người bao gồm: hoàn cảnh sống và hoạt động của con người, các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế - xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với nhau từ gia đình đến cộng đồng. Ngoài ra, tâm lý của mỗi cá nhân còn chịu ảnh hưởng bởi quá trình lĩnh hội và tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội, cũng như sự phát triển của lịch sử cá nhân và cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan

hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 16: Nêu rõ vai trò của giáo dục trong việc hình thành tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Vai trò của giáo dục trong việc hình thành tâm lý là rất quan trọng, vì giáo dục giữ vai trò chủ đạo trong quá trình lĩnh hội và tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội của mỗi cá nhân. Điều này cho thấy rằng hoạt động giáo dục có ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành và phát triển tâm lý của con người.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo.”

Câu 17: Đọc lại và xác định bản chất xã hội của tâm lý người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Bản chất xã hội của tâm lý người thể hiện ở chỗ tâm lý người có nguồn gốc xã hội, trong đó nguồn gốc xã hội là cái quyết định. Tâm lý người là sự phản ánh của hoàn cảnh kinh tế - xã hội và là sản phẩm của hoạt động giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 18: Kể tên các chức năng của tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Chức năng của tâm lý là "Định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích."

Trích từ đoạn (trang 3): “+ Định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích.”

Câu 19: Nêu rõ cách mà tâm lý điều chỉnh hoạt động của con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý điều chỉnh hoạt động của con người thông qua việc "định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích."

Trích từ đoạn (trang 3): “+ Định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích.”

Câu 20: Mô tả các quá trình tâm lý diễn ra trong thời gian ngắn. (0.10 điểm)

Trả lời:

(Người dùng không cung cấp thông tin cụ thể về các quá trình tâm lý diễn ra trong thời gian ngắn trong đoạn văn. Do đó, không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 3): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 21: Liệt kê các trạng thái tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

(Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 3): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 22: Nhắc lại các thuộc tính tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

(Người dùng không cung cấp thông tin cụ thể về các thuộc tính tâm lý trong đoạn văn. Do đó, không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 3): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 23: Định nghĩa phương pháp quan sát trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp quan sát trong tâm lý học là một phương pháp cho phép thu thập các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người. Nó có nhiều ưu điểm nhưng cũng có những hạn chế như mất thời gian và tốn nhiều công sức.

Trích từ đoạn (trang 4): “Phương pháp quan sát cho phép chúng ta thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người, do đó nó có nhiều ưu điểm. Bên cạnh các ưu điểm nó cũng có những hạn chế sau: mất thời gian, tốn nhiều công sức...”

Câu 24: Kể tên hai hình thức quan sát được sử dụng trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hai hình thức quan sát được sử dụng trong tâm lý học là quan sát khách quan và tự quan sát.

Trích từ đoạn (trang 4): “Trong tâm lý học, có thể sử dụng hai hình thức quan sát sau: + Quan sát khách quan: là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ. + Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.”

Câu 25: Tóm tắt ưu điểm của phương pháp quan sát. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp quan sát có ưu điểm là cho phép thu thập các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người.

Trích từ đoạn (trang 4): “Phương pháp quan sát cho phép chúng ta thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người, do đó nó có nhiều ưu điểm.”

Câu 26: Nhắc lại hạn chế của phương pháp quan sát. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hạn chế của phương pháp quan sát là "mất thời gian, tốn nhiều công sức...".

Trích từ đoạn (trang 4): “Bên cạnh các ưu điểm nó cũng có những hạn chế sau: mất thời gian, tốn nhiều công sức...”.

Câu 27: Định nghĩa phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý được định nghĩa là "quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu."

Trích từ đoạn (trang 4): “Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý.
- Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 28: Nêu rõ cách thức thực hiện một thực nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

Cách thức thực hiện một thực nghiệm bao gồm việc tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng. Quá trình này có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 29: Kể tên hai loại thực nghiệm cơ bản. (0.10 điểm)

Trả lời:

(Người cung cấp không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 4): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 30: Mô tả ưu điểm của phương pháp thực nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp thực nghiệm có nhiều ưu điểm trong nghiên cứu tâm lý, bao gồm khả năng tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng. Ngoài ra, phương pháp này còn cho phép lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 4): “Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý.
- Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 31: Đọc lại định nghĩa về phương pháp trắc nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp trắc nghiệm (Test) là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Test là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu.”

Câu 32: Nêu rõ ưu điểm của phương pháp test trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Ưu điểm của phương pháp test trong tâm lý học bao gồm: khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test, khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ, và khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo.

Trích từ đoạn (trang 5): “Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test. Có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ... Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo.”

Câu 33: Kể tên hạn chế của phương pháp test. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hạn chế của phương pháp test bao gồm: "Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả. Cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định."

Trích từ đoạn (trang 5): “Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả. Cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định.”

Câu 34: Tóm tắt nội dung phương pháp điều tra. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra là phương pháp sử dụng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó.”

Câu 35: Nhắc lại cách thức thực hiện phương pháp đàm thoại. (0.10 điểm)

Trả lời:

Cách thức thực hiện phương pháp đàm thoại là "đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu."

Trích từ đoạn (trang 5): “Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.”

Câu 36: Liệt kê các phương pháp nghiên cứu tâm lý được đề cập. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các phương pháp nghiên cứu tâm lý được đề cập bao gồm: thực nghiệm trong phòng thí nghiệm, thực nghiệm tự nhiên, phương pháp trắc nghiệm, phương pháp điều tra, phương pháp đàm thoại, phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động, và phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân.

Trích từ đoạn (trang 5): “Người ta thường nói tới hai loại thực nghiệm cơ bản là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên. 3. Phương pháp trắc nghiệm (Test)... 4. Phương pháp điều tra... 5. Phương pháp đàm thoại... 6. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động... 7. Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân...”

Câu 37: Mô tả phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.”

Câu 38: Nêu rõ nội dung của phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.”

Câu 39: Kể lại cách mà tâm lý học nghiên cứu sự hình thành hoạt động tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học nghiên cứu sự hình thành hoạt động tâm lý thông qua việc "nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng", "phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy" và "tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý".

Trích từ đoạn (trang 1): “Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng. Chẳng hạn, chất lượng tri giác của con người phụ thuộc vào độ chiếu sáng như thế nào, thời gian ghi nhớ một bài học. + Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy. + Tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.”

Câu 40: Nhắc lại các quy luật mà tâm lý học phát hiện. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học phát hiện các quy luật hình thành và phát triển tâm lý, bao gồm quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy.

Trích từ đoạn (trang 1): “+ Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy.”

Câu 41: Đọc lại và xác định các loại hình ảnh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các loại hình ảnh tâm lý được xác định trong đoạn văn bao gồm hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo, và hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể. Hình ảnh tâm lý khác với các hình ảnh cơ lý hóa sinh vật ở chỗ nó "mang tính sinh động và sáng tạo" và "mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể".

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 42: Kể tên các yếu tố ảnh hưởng đến hình ảnh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố ảnh hưởng đến hình ảnh tâm lý bao gồm tính chủ thể và sự tác động của hiện thực khách quan. Cụ thể, hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Điều này có nghĩa là con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lý thông qua ‘lăng kính chủ quan’ của mình.”

Câu 43: Nêu rõ cách mà các chủ thể khác nhau có thể phản ánh cùng một hiện thực. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các chủ thể khác nhau có thể phản ánh cùng một hiện thực thông qua việc nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực khách quan, nhưng lại cho ra những hình ảnh tâm lý với các mức độ và sắc thái khác nhau. Ngoài ra, cùng một hiện thực khách quan tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào những thời điểm và hoàn cảnh khác nhau cũng sẽ dẫn đến những mức độ biểu hiện và sắc thái tâm lý khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 44: Mô tả sự khác biệt trong phản ánh tâm lý giữa các chủ thể. (0.10 điểm)

Trả lời:

Sự khác biệt trong phản ánh tâm lý giữa các chủ thể thể hiện ở việc cùng nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực khách quan nhưng những chủ thể khác nhau lại cho ra những hình ảnh tâm lý với các mức độ và sắc thái khác nhau. Ngoài ra, ngay cả khi cùng một hiện thực khách quan tác động đến một chủ thể duy nhất, nhưng vào thời điểm và hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể và tinh thần khác nhau, cũng sẽ dẫn đến mức độ biểu hiện và các sắc thái tâm lý khác nhau ở chủ thể đó.

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 45: Tóm tắt các mối quan hệ xã hội ảnh hưởng đến tâm lý người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các mối quan hệ xã hội ảnh hưởng đến tâm lý người bao gồm quan hệ kinh tế - xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với nhau từ gia đình, làng xóm, quê hương đến các quan hệ nhóm và cộng đồng. Bản chất tâm lý người là sự tổng hòa của các mối quan hệ xã hội này, và nếu một người thoát ly khỏi các quan hệ xã hội, tâm lý sẽ mất đi bản tính người.

Trích từ đoạn (trang 3): “Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ... Bản chất TL người là sự tổng hòa các mối quan hệ XH đó.”

Câu 46: Nhắc lại vai trò của hoạt động giao tiếp trong việc hình thành tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hoạt động giao tiếp có vai trò quan trọng trong việc hình thành tâm lý, vì tâm lý của mỗi cá nhân là "sản phẩm của hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ XH".

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ XH.”

Câu 47: Kể tên các quá trình tâm lý và mô tả chức năng của chúng. (0.10 điểm)

Trả lời:

Câu 47: Các quá trình tâm lý được đề cập trong đoạn văn không được nêu rõ tên cụ thể, nhưng chức năng của tâm lý được mô tả là "Định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích."

Trích từ đoạn (trang 3): “+ Định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích.”

Câu 48: Nêu rõ cách mà các trạng thái tâm lý diễn ra trong thời gian dài. (0.10 điểm)

Trả lời:

(Câu hỏi không thể trả lời được từ đoạn văn bản).

Trích từ đoạn (trang 3): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 49: Liệt kê các thuộc tính tâm lý và đặc điểm của chúng. (0.10 điểm)

Trả lời:

Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp.

Trích từ đoạn (trang 3): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 50: Đọc lại và xác định các ưu điểm của phương pháp quan sát. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp quan sát có nhiều ưu điểm, bao gồm khả năng thu thập các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người.

Trích từ đoạn (trang 4): “Phương pháp quan sát cho phép chúng ta thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người, do đó nó có nhiều ưu điểm.”

Câu 51: Kể tên các hạn chế của phương pháp quan sát trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các hạn chế của phương pháp quan sát trong nghiên cứu tâm lý là: "mất thời gian, tốn nhiều công sức...".

Trích từ đoạn (trang 4): “Bên cạnh các ưu điểm nó cũng có những hạn chế sau: mất thời gian, tốn nhiều công sức...”.

Câu 52: Nêu rõ cách thức thực hiện một thực nghiệm trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Cách thức thực hiện một thực nghiệm trong tâm lý học là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng. Thực nghiệm có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 53: Kể lại các loại thực nghiệm được sử dụng trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các loại thực nghiệm được sử dụng trong nghiên cứu tâm lý bao gồm phương pháp thực nghiệm, trong đó thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng.

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng.”

Câu 54: Tóm tắt nội dung của phương pháp thực nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp thực nghiệm là một phương pháp hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý, trong đó thực nghiệm được thực hiện bằng cách tác động chủ động vào đối tượng trong điều kiện đã được khống chế, nhằm gây ra các biểu hiện về quan hệ nhân quả và tính quy luật, đồng thời cho phép đo đạc và định lượng các hiện tượng một cách khách quan.

Trích từ đoạn (trang 4): “Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý. - Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 55: Nhắc lại nội dung của phương pháp trắc nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp trắc nghiệm là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu. Phương pháp này có ưu điểm là làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test, có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ, và có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo. Tuy nhiên, nó cũng có hạn chế là khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá và chủ yếu cho ta kết quả mà ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả.

Trích từ đoạn (trang 5): “Test là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu. Ưu điểm: Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test. Có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ... Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá

chỉ tiêu tâm lý cần đo. Hạn chế: Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả.”

Câu 56: Kể tên các ưu điểm của phương pháp test trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các ưu điểm của phương pháp test trong nghiên cứu tâm lý bao gồm:

- Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test.
- Có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ...
- Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo.

Trích từ đoạn (trang 5): “Ưu điểm: - Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test. - Có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ... - Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo.”

Câu 57: Nêu rõ hạn chế của phương pháp test. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hạn chế của phương pháp test bao gồm việc "khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá" và "test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả". Ngoài ra, cần "sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định".

Trích từ đoạn (trang 5): “Hạn chế: Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả. Cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định.”

Câu 58: Tóm tắt nội dung phương pháp điều tra trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra trong tâm lý học là phương pháp sử dụng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Phương pháp này có thể cho phép trả lời viết hoặc miệng, và có thể thực hiện điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó.”

Câu 59: Liệt kê các phương pháp nghiên cứu tâm lý được đề cập trong đoạn văn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các phương pháp nghiên cứu tâm lý được đề cập trong đoạn văn bao gồm:

1. Thực nghiệm trong phòng thí nghiệm
2. Thực nghiệm tự nhiên
3. Phương pháp trắc nghiệm
4. Phương pháp điều tra
5. Phương pháp đàm thoại
6. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động
7. Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân

Trích từ đoạn (trang 5): “Người ta thường nói tới hai loại thực nghiệm cơ bản là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên. 3. Phương pháp trắc nghiệm (Test)... 4. Phương pháp điều tra... 5. Phương pháp đàm thoại... 6. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động... 7. Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân...”

Câu 60: Kể lại cách mà tâm lý học nghiên cứu bản chất hoạt động tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học nghiên cứu bản chất hoạt động tâm lý thông qua việc nghiên cứu sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý, đồng thời nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng.

Trích từ đoạn (trang 1): “Tâm lý học nghiên cứu sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý. Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng.”

Câu 61: Nêu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tri giác của con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Chất lượng tri giác của con người phụ thuộc vào độ chiếu sáng và thời gian ghi nhớ một bài học.

Trích từ đoạn (trang 1): “Chẳng hạn, chất lượng tri giác của con người phụ thuộc vào độ chiếu sáng như thế nào, thời gian ghi nhớ một bài học.”

Câu 62: Đọc lại và xác định các loại phản ánh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các loại phản ánh tâm lý được xác định trong đoạn văn bao gồm phản ánh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo, và phản ánh tâm lý mang tính chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 63: Kể tên các yếu tố ảnh hưởng đến sự phản ánh hiện thực khách quan. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phản ánh hiện thực khách quan bao gồm tính chủ thể và lăng kính chủ quan của con người. Cụ thể, "Hình ảnh tâm lí mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lí thông qua “lăng kính chủ quan” của mình."

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lí mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lí thông qua “lăng kính chủ quan” của mình.”

Câu 64: Trình bày đại ý về vị trí của tâm lý học trong mối quan hệ với các ngành khoa học khác. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học có vị trí quan trọng trong mối quan hệ với các ngành khoa học khác, cụ thể là nó có quan hệ chặt chẽ với triết học, các ngành khoa học tự nhiên, và gắn bó hữu cơ với các khoa học xã hội và nhân văn.

Trích từ đoạn (trang 1): “- Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với Triết học. - Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với các ngành khoa học tự nhiên. - Tâm lý học có gắn bó hữu cơ với các khoa học xã hội và nhân văn.”

Câu 65: Nhắc lại ý nghĩa của tâm lý học trong đời sống con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Ý nghĩa của tâm lý học trong đời sống con người bao gồm việc "góp phần đấu tranh chống lại các quan điểm phản khoa học về tâm lý con người", "phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp giáo dục", "giải thích một cách khoa học các hiện tượng tâm lý của con người" và "có ý nghĩa thực tiễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống".

Trích từ đoạn (trang 1): “- Góp phần đấu tranh chống lại các quan điểm phản khoa học về tâm lý con người. - Phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp giáo dục. - Giải thích một cách khoa học các hiện tượng tâm lý của con người. - Có ý nghĩa thực tiễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống.”

Câu 66: Kể lại cách mà tâm lý người phản ánh hiện thực khách quan. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người phản ánh hiện thực khách quan thông qua sự tác động của hiện thực vào hệ thần kinh và não bộ, tạo ra "hình ảnh tâm lý" về thế giới. Hình ảnh tâm lý này mang tính sinh động, sáng tạo và chịu ảnh hưởng của chủ thể, thể hiện qua việc cùng một hiện thực khách quan nhưng các chủ thể khác nhau có thể tạo ra những hình ảnh tâm lý khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Phản ánh tâm lí tạo ra “hình ảnh tâm lí” (bản sao chép) về thế giới.”

Câu 67: Nêu rõ sự khác biệt giữa hình ảnh tâm lý và hình ảnh vật lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý và hình ảnh vật lý khác nhau ở một số điểm quan trọng. Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo, trong khi hình ảnh vật lý là hình ảnh "chết cứng". Cụ thể, hình ảnh tâm lý là kết quả của quá trình phản ánh thế giới khách quan vào não bộ, và nó chịu ảnh hưởng của chủ thể, phụ thuộc vào cách mà mỗi người phản ánh thế giới qua "lăng kính chủ quan" của mình.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 68: Liệt kê các loại phản ánh tâm lý được đề cập trong đoạn văn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các loại phản ánh tâm lý được đề cập trong đoạn văn bao gồm: phản ánh cơ, lí, hoá, phản ánh sinh vật và phản ánh xã hội, trong đó có phản ánh tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyển hoá lẫn nhau: từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh XH, trong đó có phản ánh tâm lí.”

Câu 69: Nhắc lại tính chủ thể trong phản ánh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tính chủ thể trong phản ánh tâm lý thể hiện ở việc con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình, dẫn đến việc các chủ thể khác nhau sẽ cho ra những hình ảnh tâm lý với mức độ và sắc thái khác nhau, hoặc cùng một chủ thể nhưng trong những hoàn cảnh khác nhau cũng sẽ có những biểu hiện và sắc thái tâm lý khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Tính chủ thể này thể hiện ở chỗ: Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 70: Mô tả cách mà các chủ thể khác nhau có thể có hình ảnh tâm lý khác nhau. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các chủ thể khác nhau có thể có hình ảnh tâm lý khác nhau do cùng nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực nhưng lại phản ánh qua "lăng kính chủ quan" của mình, dẫn đến những hình ảnh tâm lý với các mức độ và sắc thái khác nhau. Ngoài ra, cùng một hiện thực tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào những thời điểm và hoàn cảnh khác nhau cũng sẽ tạo ra các mức độ biểu hiện và sắc thái tâm lý khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 71: Tìm ra ví dụ về sự khác biệt trong hình ảnh tâm lý của cùng một hiện thực. (0.10 điểm)

Trả lời:

Một ví dụ về sự khác biệt trong hình ảnh tâm lý của cùng một hiện thực là khi "cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau."

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ

nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 72: Định nghĩa bản chất xã hội – lịch sử của tâm lý người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Bản chất xã hội – lịch sử của tâm lý người được định nghĩa là sự phản ánh hoàn cảnh khách quan, là chức năng của não, và là kinh nghiệm xã hội lịch sử biến thành cái riêng của mỗi người. Tâm lý người có nguồn gốc xã hội, trong đó nguồn gốc xã hội là cái quyết định, thể hiện qua các mối quan hệ xã hội và chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “Bản chất XH và tính LS của TL người thể hiện như sau: TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định.”

Câu 73: Nêu rõ nguồn gốc của tâm lý người theo quan điểm của đoạn văn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Nguồn gốc của tâm lý người theo quan điểm của đoạn văn là từ "TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định." Tâm lý người được hình thành từ các mối quan hệ xã hội và chịu ảnh hưởng bởi lịch sử cá nhân và cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định.”

Câu 74: Kể tên các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến tâm lý người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến tâm lý người bao gồm các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế - xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với con người từ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 75: Nhắc lại vai trò của giáo dục trong việc hình thành tâm lý người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Giáo dục giữ vai trò chủ đạo trong việc hình thành tâm lý người, thông qua quá trình lĩnh hội và tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo.”

Câu 76: Đọc lại chức năng của tâm lý trong hoạt động con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Chức năng của tâm lý trong hoạt động con người là "Định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích."

Trích từ đoạn (trang 3): “+ Định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích.”

Câu 77: Kể tên các loại hiện tượng tâm lý được phân loại trong đoạn văn. (0.10 điểm)

Trả lời:

(Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 3): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 78: Liệt kê các quá trình tâm lý diễn ra trong thời gian ngắn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các quá trình tâm lý diễn ra trong thời gian ngắn bao gồm: quá trình nhận thức, quá trình xúc cảm và quá trình ý chí.

Trích từ đoạn (trang 4): “Có 3 loại quá trình tâm lý: + Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng. + Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng. + Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra.”

Câu 79: Nhắc lại định nghĩa về quá trình nhận thức. (0.10 điểm)

Trả lời:

Quá trình nhận thức là "giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng."

Trích từ đoạn (trang 4): “+ Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng.”

Câu 80: Kể tên các trạng thái tâm lý diễn ra trong thời gian dài. (0.10 điểm)

Trả lời:

(Câu hỏi không thể trả lời được từ đoạn văn bản cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 4): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 81: Định nghĩa phương pháp quan sát trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp.

Trích từ đoạn (trang 4): “<câu trích dẫn>”.

Câu 82: Nêu rõ hai hình thức quan sát được sử dụng trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hai hình thức quan sát được sử dụng trong tâm lý học là "Tự quan sát" và "Phương pháp thực nghiệm".

Trích từ đoạn (trang 4): “+ Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân. 2. Phương pháp thực nghiệm: Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý.”

Câu 83: Kể lại ưu điểm của phương pháp quan sát. (0.10 điểm)

Trả lời:

(Người dùng không cung cấp thông tin về ưu điểm của phương pháp quan sát trong đoạn văn, vì vậy không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 4): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 84: Nhắc lại khái niệm về phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

(Câu hỏi không thể trả lời được từ đoạn văn bản cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 5): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 85: Kể tên hai loại thực nghiệm cơ bản được đề cập. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hai loại thực nghiệm cơ bản được đề cập là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên.

Trích từ đoạn (trang 5): “Người ta thường nói tới hai loại thực nghiệm cơ bản là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên.”

Câu 86: Nêu rõ ưu điểm của phương pháp thực nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

(Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 5): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 87: Kể tên các ưu điểm và hạn chế của phương pháp trắc nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

Ưu điểm của phương pháp trắc nghiệm bao gồm: "Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test", "Có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ..." và "Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo".

Hạn chế của phương pháp trắc nghiệm là: "Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá", "Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả" và "Cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định".

Trích từ đoạn (trang 5): “Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test. Có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ... Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo. Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả. Cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định.”

Câu 88: Nhắc lại khái niệm về phương pháp điều tra. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó.”

Câu 89: Nêu rõ cách thức thực hiện phương pháp đàm thoại. (0.10 điểm)

Trả lời:

Cách thức thực hiện phương pháp đàm thoại là đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.”

Câu 90: Kể tên các phương pháp nghiên cứu tâm lý được đề cập trong đoạn văn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các phương pháp nghiên cứu tâm lý được đề cập trong đoạn văn bao gồm: thực nghiệm trong phòng thí nghiệm, thực nghiệm tự nhiên, phương pháp trắc nghiệm, phương pháp điều tra, phương pháp đàm thoại, phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động, và phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân.

Trích từ đoạn (trang 5): “Người ta thường nói tới hai loại thực nghiệm cơ bản là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên. ... 3. Phương pháp trắc nghiệm (Test) ... 4. Phương pháp điều tra ... 5. Phương pháp đàm thoại: ... 6. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động ... 7. Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân ...”.

Câu 91: Nhắc lại khái niệm về phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dựa vào kết quả vật chất để nghiên cứu gián tiếp các quá trình, các thuộc tính tâm lý của cá nhân, bởi sản phẩm mang dấu vết của người tạo ra nó.”

Câu 92: Đọc lại định nghĩa về phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.”

Câu 93: Kể lại cách mà tâm lý học nghiên cứu sự hình thành và phát triển của hoạt động tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học nghiên cứu sự hình thành và phát triển của hoạt động tâm lý thông qua việc phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy.

Trích từ đoạn (trang 1): “+ Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy.”

Câu 94: Nêu rõ cách mà phản ánh tâm lý diễn ra từ đơn giản đến phức tạp. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phản ánh tâm lý diễn ra từ đơn giản đến phức tạp thông qua sự chuyển hóa giữa các loại phản ánh khác nhau, bắt đầu từ phản ánh cơ, lí, hóa đến phản ánh sinh vật và cuối cùng là phản ánh xã hội, trong đó có phản ánh tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyển hoá lẫn nhau: từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh XH, trong đó có phản ánh tâm lí.”

Câu 95: Nhắc lại cách mà trạng thái cơ thể và tinh thần ảnh hưởng đến hình ảnh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Trạng thái cơ thể và tinh thần ảnh hưởng đến hình ảnh tâm lý bằng cách cho thấy "mức độ biểu hiện và các sắc thái TL khác nhau" ở cùng một chủ thể khi "cùng một hiện thực KQ tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau".

Trích từ đoạn (trang 2): “Cũng có khi cùng một hiện thực KQ tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh

thần khác nhau sẽ cho ta thấy mức độ biểu hiện và các sắc thái TL khác nhau ở chủ thể ấy.”

Câu 96: Kể tên các mối quan hệ xã hội ảnh hưởng đến bản chất tâm lý người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các mối quan hệ xã hội ảnh hưởng đến bản chất tâm lý người bao gồm: quan hệ kinh tế xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 97: Nêu rõ cách mà tâm lý điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu thông qua chức năng định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích.

Trích từ đoạn (trang 3): “+ Định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích.”

Câu 98: Nhắc lại các thuộc tính tâm lý mang tính ổn định. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các thuộc tính tâm lý mang tính ổn định là những hiện tượng tâm lý khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách.

Trích từ đoạn (trang 4): “các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách.”

Câu 99: Kể lại hạn chế của phương pháp quan sát trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

(Người dùng không cung cấp thông tin về hạn chế của phương pháp quan sát trong đoạn văn, vì vậy không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp).

Trích từ đoạn (trang 4): “Không có trích dẫn phù hợp.”

Câu 100: Nêu rõ cách thức thực hiện phương pháp điều tra. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra được thực hiện bằng cách sử dụng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Câu trả lời có thể được thực hiện bằng cách viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại.”